

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671005 - Thí nghiệm Hóa học đại cương
Lớp :

STC : 1(15,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2012-2013 Học kỳ : 2

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Minh	Quý	3671031086	23/12/1993		6,80	6,80	
2	Bùi Văn	Định	3671031088	05/11/1994		3,50	3,50	Nợ HP
3	Lê Đình	Đăng	3671031089	20/10/1994		7,00	7,00	Nợ HP
4	Võ Đình Công Tuấn	Anh	3671031091	23/12/1994		7,00	7,00	
5	Trần Doãn Út	Quyền	3671031096	20/05/1991		7,00	7,00	
6	Nguyễn Hoàng	Phú	3671031099	24/12/1994		5,50	5,50	
7	Nguyễn Văn	Cường	3671031117	20/09/1994		5,00	5,00	
8	Nguyễn Thanh	Hải	3671031121	24/01/1994		7,00	7,00	
9	Ngô Bình	Tâm	3671031122	28/05/1994		8,00	8,00	Nợ HP
10	Huỳnh Văn	Huy	3671031125	16/10/1994		6,30	6,30	
11	Đào Tấn	Quân	3671031126	12/06/1994		6,50	6,50	
12	Nguyễn Văn	Ninh	3671031129	05/06/1994		7,30	7,30	
13	Lê Hoàng	Phúc	3671031130	04/09/1994		7,00	7,00	
14	Đặng Hữu	Lộc	3671031142	11/09/1994		6,80	6,80	
15	Nguyễn Khắc Nguyên	Khang	3671031154	14/03/1993		6,50	6,50	
16	Lê Đình	Tĩnh	3671031160	05/03/1994		6,80	6,80	
17	Bùi Minh	Tiến	3671031164	04/02/1994		6,80	6,80	
18	Vy Lê Thế	Thức	3671031166	26/10/1993		5,00	5,00	
19	Nguyễn Văn	Pha	3671031174	20/06/1993		5,00	5,00	
20	Đỗ Tấn	Ý	3671031175	19/01/1993		8,00	8,00	
21	Võ Quang Minh	Nhật	3671031177	23/03/1994		5,00	5,00	Nợ HP
22	Trần Quang	Huy	3671031179	20/10/1994		5,00	5,00	
23	Nguyễn Văn	Quyền	3671031181	12/08/1994		8,00	8,00	
24	Huỳnh Nhựt	Khuê	3671031185	10/11/1994		5,50	5,50	
25	Nguyễn Thế	Hùng	3671031186	15/05/1994		5,50	5,50	
26	Hà Quang	Duy	3671031187	27/07/1994		5,50	5,50	
27	Lê Quang	Cầu	3671031212	18/10/1994		7,80	7,80	
28	Nguyễn Đức	Tài	3671031214	28/08/1994		7,50	7,50	
29	Bùi Xuân	Hội	3671031227	16/02/1994		8,00	8,00	
30	Lê Đỗ Hoàng	Việt	3671031228	19/06/1993		7,00	7,00	
31	Nguyễn Hoàng	Lâm	3671031230	23/11/1994		7,30	7,30	
32	Nguyễn Thế	Hải	3671031231	20/10/1994		5,50	5,50	
33	Phạm Tấn	Tài	3671031232	20/02/1994		,00	,00	Nợ HP
34	Thái Văn	Lâm	3671031236	15/10/1994		5,80	5,80	Nợ HP
35	Hồ Trí	Nghĩa	3671031241	18/04/1994		7,30	7,30	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Phạm Minh	Trí	3671031248	06/11/1994		4,00	4,00	
37	Lê Văn	Trung	3671031252	09/03/1993		1,00	1,00	
38	Trần Xuân	Minh	3671031253	02/04/1994		10,00	10,00	
39	Trần Trung	Cang	3671031254	26/12/1993		5,00	5,00	Nợ HP
40	Võ Ngọc	Sáng	3671031257	04/10/1994		6,80	6,80	
41	Võ Hồng	Tuất	3671031260	20/02/1994		6,00	6,00	
42	Nguyễn Sĩ	Tuấn	3671031261	10/11/1994		6,00	6,00	Nợ HP
43	Đỗ Việt	Thống	3671031264	30/05/1993		7,30	7,30	
44	Trần Hoài	Nam	3671031268	23/03/1994		6,80	6,80	
45	Trần Minh	Cường	3671031576	26/11/1994		5,00	5,00	
46	Nguyễn Thành	Long	3671031577	11/08/1992		5,00	5,00	Nợ HP
47	Nguyễn Ngọc	Quyền	3671031595	30/08/1993		6,50	6,50	
48	Phan	Huy	3671031873	13/09/1994		2,00	2,00	Nợ HP
49	Hoàng Nhật	Phương	3671031958	20/04/1993		5,50	5,50	
50	Hồ Trần	Lâm	3671032022	21/09/1994		10,00	10,00	Nợ HP
51	Nguyễn Hữu	Nghĩa	3671032047	28/03/1994		6,00	6,00	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 06 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)